

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HS-ST
Ngày 28- 8- 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lợi

Bà Trần Thị Đàm

Ông Cao Ngọc Khánh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Hà Việt Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Mạnh C** (Tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại huyện K, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Tổ 5, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Cán bộ Trung tâm Truyền thông và Văn hóa huyện Y; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông Trần Minh P, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; có vợ là Vũ Thị H (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 24-3-2020 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Hữu Th - Luật sư, thuộc Văn phòng Luật sư HT, Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; trú tại: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11-2018, chị Nguyễn Thị L nói chuyện nhờ Trần Mạnh C hỏi mua đất ở khu đô thị mới thuộc tổ 6, thị trấn Y, huyện Y. C nhận lời liên hệ mua hộ chị L một số lô đất với giá là 250.000.000 đồng đến 260.000.000 đồng một lô. Sau khi tìm hiểu tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Y, tỉnh Yên Bái, C gọi điện thoại cho chị L bảo đã hỏi mua được đất và phải đặt tiền cọc. Khoảng 12 giờ ngày 28-11-2018, chị L đưa cho C 50.000.000 đồng để đặt cọc mua lô đất số 38,39 thuộc khu đô thị mới. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 11-2018 đến ngày 10-5-2019, chị L đã chuyển tiền cho C nhiều lần với tổng số là 610.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 6-2019 C đã đưa chị L đi xem đất và hai bên thỏa thuận đổi từ mua hai lô số 38, 39 sang hai lô đất số 21, 22 thuộc khu đô thị mới. Tuy nhiên, đến cuối tháng 9-2019 C đưa chị L đi xem đất thì chị L hỏi C về 02 lô đất ở vị trí giáp công Nhà máy nước huyện Y có ai mua chưa và có đổi sang mua hai lô đất này không. C đã hỏi hai lô đất đó thuộc khu tái định cư RUBI GARDEN của Công ty cổ phần GOLDEN LD Yên Bái có giá khoảng 800.000.000 đồng/1 lô, thì chị L đồng ý đổi mua sang hai lô đất này và đưa cho thêm cho C 155.000.000 đồng. Để chị L tiếp tục tin tưởng, không giục mua đất hoặc đòi lại tiền, C bảo chị L đưa tiền để làm sổ đỏ. Đến cuối tháng 10-2019, Trần Mạnh C đã soạn thảo một bản cam kết mua bán đất giả mang tên Nguyễn Thạch A sau đó chụp ảnh và gửi cho chị L. Tính từ thời điểm C nhận lời mua hộ đất cho chị L đến ngày 27-11-2019, chị L đã chuyển, giao tiền cho C thông qua chuyển khoản và đưa trực tiếp tổng số tiền là 1.563.000.000 đồng (một tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng). C đã sử dụng toàn bộ số tiền nhận của chị L vào việc trả nợ cá nhân và tiêu xài hết.

Tại bản kết luận giám định số 142/KLGD ngày 18-5-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

- Chữ ký đề tên Trần Mạnh C trên Giấy nhận tiền (ký hiệu A) so với chữ ký của Trần Mạnh C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết trên Giấy nhận tiền (ký hiệu A) trừ chữ viết “Chứng kiến Hiên” tại dòng 54, 55 so với chữ viết của Trần Mạnh C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4 đến M8 do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-P2 ngày 22-7-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Trần Mạnh C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Mạnh C khai khi giúp chị Nguyễn Thị L mua đất, bị cáo không có ý định chiếm đoạt tiền của chị L. Bị cáo đã liên hệ để mua các lô đất theo yêu cầu của chị L. Tuy nhiên, do chị L có thay đổi vị trí lô đất muốn mua và việc giải phóng mặt bằng của khu tái định cư kéo dài, bị cáo lại đã sử dụng tiền của chị L vào đầu tư làm ăn nhưng bị thua lỗ, không có khả năng hoàn trả, nên bị cáo làm giả bản cam kết mua đất đưa cho chị L để chị L không đòi tiền bị cáo. Bị

cáo thừa nhận đã nhận của chị L tổng cộng 1.563.000.000 đồng và đã tác động gia đình bồi thường cho chị L được số tiền 50.000.000 đồng và cam kết sẽ bồi thường số tiền còn lại cho chị L.

Bị hại Nguyễn Thị L công nhận lời trình bày của bị cáo là đúng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo còn trẻ, phạm tội do lầm lỡ, làm ăn thua lỗ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời. Chị L xác nhận gia đình bị cáo đã được bồi thường 50.000.000 đồng; yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là: 1.513.000.000 đồng.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội tại phiên tòa và giữ nguyên toàn bộ quyết định truy tố:

- Đề nghị tuyên bố bị cáo Trần Mạnh C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Mạnh C từ 13 năm đến 14 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Đề nghị giải quyết trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh C cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà là cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Mạnh C không có ý kiến bào chữa bổ sung và cũng không có ý kiến tranh luận gì. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo trình bày ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Trần Mạnh C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Giấy biên nhận tiền, Kết luận giám định, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 11-2018 đến ngày 27-11-2019, bị cáo Nguyễn Mạnh C đã nhận lời mua hộ chị Nguyễn Thị L các lô đất thuộc tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Quá trình tìm mua đất chị L đã nhiều lần thay đổi vị trí các lô đất muốn mua. Bị cáo C cũng đã liên hệ đến Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Y và Công ty cổ phần GOLDENLD Yên Bái để hỏi mua đất cho chị L. Chị L đã nhiều lần chuyển, giao tiền cho C thông qua chuyển khoản và đưa trực tiếp tổng số tiền là 1.563.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11-2019, chị L nhiều lần hỏi và thúc dục C về việc mua đất, nhưng do C đã sử dụng toàn bộ số tiền trên vào làm ăn, trả nợ cá nhân, không còn khả năng mua đất nữa, nên C đã làm một bản cam kết mua bán đất giả để chiếm đoạt số tiền của L. Từ đó có đủ căn cứ kết luận: bị cáo Trần Mạnh C nhận tiền của chị L thông qua giao dịch dân sự, rồi thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của chị L, hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Mạnh C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không chính xác. Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của người bào chữa đề xét xử bị cáo Trần Mạnh C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội, nên cần thiết phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét nhân thân bị cáo C là người chưa có tiền án, tiền sự; đã tích cực tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo khi còn là công chức cũng đã nhiều lần được tặng thưởng Giấy khen và các danh hiệu thi đua vì đã lập thành tích xuất sắc trong công tác, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s,v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông nội và bố đẻ là những người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân Chương; bị hại cũng đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo Trần Mạnh C với mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một

thời gian nhất định, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét bị cáo không có tài sản để thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Mạnh C đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L tổng số tiền là 1.563.000.000 đồng; đã bồi thường được 50.000.000 đồng. Cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 1.513.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo Trần Mạnh C bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh C 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 24 tháng 3 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Trần Mạnh C phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị L số tiền 1.513.000.000đ (Một tỷ năm trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Mạnh C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 57.390.000đ (Năm mươi bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ GDKT 1-TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan CSĐT Công an T.Yên Bái (2);
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Y;
- Phòng KTNV và THA TAND T.Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo; Trại TG;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án, Tiểu HS, HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng